

Nam Từ Liêm, ngày 26 tháng 6 năm 2020

Số: 234/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 194/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: ***“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”***, giữa:

Người yêu cầu:

- **Anh Phạm Xuân Q**, sinh năm 1982;

- **Chị Trần Thị Kim T**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: P 403, CT4-3, Khu đô thị M, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 3 năm 2011 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cãi vã, xúc phạm nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh, chị cùng thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T có 02 con chung là: Cháu Phạm Trần Hải A, sinh ngày 12/7/2012 và cháu Phạm Hải N, sinh ngày 09/11/2015. Anh Q và chị T thỏa thuận anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải N. Về cấp dưỡng nuôi con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T không vay nợ

ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Chị Trần Thị Kim T tự nguyện chịu cả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T cùng thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T có 02 con chung là: Cháu Phạm Trần Hải A, sinh ngày 12/7/2012 và cháu Phạm Hải N, sinh ngày 09/11/2015. Giao cháu Hải A cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Hải N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Q, chị T cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh Q, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

- **Về nợ chung** Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị Kim T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu cả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai số AK/2010/0009310 ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- UBND xã G, huyện G, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thúy A

